|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**  **TỐI CAO**    Số:   **169**/QĐ-VKSTC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày  02 tháng 5 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH  
Ban hành Quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;*

*Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 422/QĐ-VKSTC ngày 17/10/2014 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố.

**Điều 3.**Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lãnh đạo VKSNDTC;  - Lưu: VT, V2, V14. | **VIỆN TRƯỞNG**      *(Đã ký)*      **Lê Minh Trí** |

|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**  **TỐI CAO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ TẠM THỜI**

**CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC**

**TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM**

**VÀ KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 169/QĐ-VKSTC ngày 02 tháng  5  năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi công tác**

1. Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố bắt đầu từ khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đến khi ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự và thông báo kết quả giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm do người phạm tội tự thú hoặc những thông tin về tội phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện cũng được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp.

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

**Điều 3. Mục đích công tác**

Viện kiểm sát thực hiện công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố nhằm bảo đảm:

1. Mọi tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đều phải được tiếp nhận đầy đủ, kiểm tra, xác minh, xử lý kịp thời; không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội;

2. Việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng pháp luật; những vi phạm pháp luật trong công tác này phải được phát hiện, khắc phục và xử lý nghiêm minh.

**Điều 4. Từ ngữ sử dụng trong Quy chế**

1. “*Lãnh đạo Viện*” gồm Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát được Viện trưởng phân công hoặc ủy quyền thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. “*Lãnh đạo đơn vị*” gồm Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

3. “*Cơ quan có thẩm quyền điều tra*” gồm Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

4.*“Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra”* gồm Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

5. “*Phó Thủ trưởng, Cấp phó Cơ quan có thẩm quyền điều tra”* gồm Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

6. “*Cán bộ điều tra*” gồm Cán bộ điều tra của Cơ quan điều tra, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

**Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên**

1. Viện tr­ưởng, Phó Viện trư­ởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại các điều 41, 42, 43, 159, 160 Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định pháp luật khác có liên quan khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

2. Khi đ­ược phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm sát, quản lý hồ sơ vụ việc, hồ sơ kiểm sát và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Khi được phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các chứng cứ, tài liệu, đồ vật thu thập được phải được đưa vào hồ sơ vụ việc và lưu hồ sơ kiểm sát. Việc lập hồ sơ vụ việc, hồ sơ kiểm sát phải bảo đảm đúng thể thức văn bản, tài liệu và phải được thống kê, đóng dấu bút lục theo quy định.

3. Khi báo cáo, đề xuất các vấn đề thuộc công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải báo cáo trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung vụ việc, tiến độ giải quyết và đề xuất quan điểm xử lý bằng văn bản.

4. Lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện phải ghi rõ ý kiến chỉ đạo vào văn bản đề xuất của Kiểm sát viên; nếu thấy cần thiết thì trực tiếp nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh trước khi cho ý kiến chỉ đạo. Văn bản đề xuất phải ghi rõ ngày, tháng, năm, ký tên lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện, Kiểm sát viên và l­ưu hồ sơ kiểm sát.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, nếu có ý kiến khác nhau giữa các Kiểm sát viên hoặc giữa Kiểm sát viên với Phó Viện trưởng, Viện trưởng thì thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Kiểm sát viên thụ lý chính với lãnh đạo đơn vị thì phải thực hiện ý kiến của lãnh đạo đơn vị, nhưng có quyền báo cáo với Phó Viện trưởng phụ trách; nếu có ý kiến khác nhau giữa lãnh đạo đơn vị với Phó Viện trưởng thì phải thực hiện ý kiến của Phó Viện trưởng, nhưng có quyền báo cáo với Viện trưởng. Kết luận của Viện trưởng, Phó Viện trưởng được ghi vào báo cáo của đơn vị và lư­u hồ sơ kiểm sát.

Trường hợp vụ việc phức tạp, có khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết, Viện tr­ưởng có thể đ­ưa ra tập thể lãnh đạo Viện hoặc Ủy ban kiểm sát thảo luận trước khi quyết định. Đối với vụ việc Viện kiểm sát cấp dư­ới thỉnh thị Viện kiểm sát cấp trên thì việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ/VKSTC ngày 01/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Khi phát hiện có sai sót về nghiệp vụ hoặc vi phạm pháp luật thì lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện phải có biện pháp khắc phục kịp thời và tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm, xử lý trách nhiệm người vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**TIẾP NHẬN VÀ KIỂM SÁT VIỆC TIẾP NHẬN TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM VÀ KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ**

**Điều 6. Tiếp** **nhận, chuyển giao tố giác, tin báo về tội phạm** **và kiến nghị khởi tố**

1. Lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện phải phân công Kiểm sát viên tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố do cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến hoặc do đơn vị kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp tiếp nhận, chuyển đến.

2. Thủ tục tiếp nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 146 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sau khi tiếp nhận, Kiểm sát viên phải vào sổ thụ lý, ghi đầy đủ, chính xác tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện và làm thủ tục chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết.

**Điều 7. Kiểm** **sát việc tiếp nhận, phân loại, việc chuyển tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố để giải quyết theo thẩm quyền**

1. Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận, phân loại của Cơ quan có thẩm quyền điều tra đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Trong trường hợp phát hiện việc phân loại của Cơ quan có thẩm quyền điều tra chưa chính xác, Kiểm sát viên cần kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để trao đổi với Cơ quan có thẩm quyền điều tra khắc phục.

2. Quá trình kiểm sát việc tiếp nhận, phân loại, kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan có thẩm quyền điều tra mà thấy không thuộc thẩm quyền, Kiểm sát viên phải báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản yêu cầu cơ quan đã tiếp nhận, đang tiến hành kiểm tra, xác minh chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời thông báo đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để thực hiện việc kiểm sát.

3. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Chương III**

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT TỐ GIÁC,**

**TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM VÀ KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ**

**Điều 8. Phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố**

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan có thẩm quyền điều tra, lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra quyết định phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và gửi ngay Quyết định này cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra.

**Điều 9. Xử lý đối với tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã rõ dấu hiệu tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự**

Khi kiểm sát việc tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, nếu thấy đã rõ dấu hiệu tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự (kể cả trường hợp chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội) nhưng Cơ quan có thẩm quyền điều tra chưa khởi tố vụ án hình sự thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra ngay quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà đã rõ dấu hiệu tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển cho Cơ quan điều tra để điều tra theo thẩm quyền.

**Điều 10. Kiểm sát việc lập hồ sơ vụ việc và giữ bí mật kiểm tra, xác minh**

1. Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ việc của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, bảo đảm các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong quá trình kiểm tra, xác minh phải được thống kê đầy đủ và đưa vào hồ sơ vụ việc.

Đối với hồ sơ vụ việc gửi Viện kiểm sát để kiểm sát theo thẩm quyền, Kiểm sát viên phải trích cứu đầy đủ nội dung vụ việc, sao chụp tài liệu cần thiết và lưu hồ sơ kiểm sát.

2. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải giữ bí mật kiểm tra, xác minh; yêu cầu Điều tra viên, Cán bộ điều tra, người tham gia tố tụng giữ bí mật kiểm tra, xác minh; nếu phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh**

1. Trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Kiểm sát viên chủ động đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh để kiểm tra tính xác thực của tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; thu thập, củng cố chứng cứ, tài liệu, đồ vật để làm rõ những tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 85, Điều 441 Bộ luật Tố tụng hình sự. Yêu cầu kiểm tra, xác minh có thể được thực hiện nhiều lần, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Văn bản yêu cầu kiểm tra, xác minh phải được đưa vào hồ sơ vụ việc và lưu hồ sơ kiểm sát.

2. Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, bảo đảm kết quả giải quyết và các yêu cầu kiểm tra, xác minh được thực hiện đầy đủ, khách quan, đúng pháp luật. Khi thấy có vấn đề cần phải kiểm tra, xác minh thêm, Kiểm sát viên kịp thời bổ sung yêu cầu kiểm tra, xác minh; nếu Điều tra viên, Cán bộ điều tra đề nghị, Kiểm sát viên có trách nhiệm giải thích rõ nội dung những yêu cầu kiểm tra, xác minh. Trường hợp Điều tra viên, Cán bộ điều tra không nhất trí thì Kiểm sát viên yêu cầu Điều tra viên, Cán bộ điều tra nêu rõ lý do và báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, kiến nghị với Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra; trường hợp Cơ quan có thẩm quyền điều tra không thực hiện được đầy đủ các yêu cầu kiểm tra, xác minh vì lý do khách quan thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra nêu rõ lý do trong văn bản thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm.

**Điều 12. Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố**

1. Trường hợp phát hiện Cơ quan có thẩm quyền điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện có văn bản yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra khắc phục vi phạm. Trường hợp Viện kiểm sát đã yêu cầu nhưng Cơ quan có thẩm quyền điều tra không khắc phục, Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra chuyển hồ sơ vụ việc cho Viện kiểm sát để giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Khi trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Kiểm sát viên được phân công phải thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Trước khi tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh, Kiểm sát viên phải xây dựng kế hoạch báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, phê duyệt;

b) Trong quá trình kiểm tra, xác minh, Kiểm sát viên tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh. Đối với vụ việc phức tạp, Kiểm sát viên có thể phối hợp với Điều tra viên, Cán bộ điều tra để tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh;

c) Kết thúc việc kiểm tra, xác minh, Kiểm sát viên nghiên cứu, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật, báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kết quả kiểm tra, xác minh và đề xuất hướng giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Chứng cứ, tài liệu, đồ vật Kiểm sát viên thu thập được trong quá trình kiểm tra, xác minh phải được đưa vào hồ sơ vụ việc, lưu hồ sơ kiểm sát theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Thủ trưởng, Cấp trưởng, Phó Thủ trưởng, Cấp phó Cơ quan có thẩm quyền điều tra**

1. Khi thấy Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc một trong những trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 49 và Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Kiểm sát viên trao đổi ngay để Điều tra viên, Cán bộ điều tra từ chối tiến hành tố tụng hoặc báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện yêu cầu Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Cấp trưởng, Cấp phó Cơ quan có thẩm quyền điều tra thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra.

Trường hợp Phó Thủ trưởng, Cấp phó Cơ quan có thẩm quyền điều tra thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện ra văn bản yêu cầu Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra thay đổi.

2. Nếu Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi thì Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra chuyển vụ việc đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền; đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

**Điều 14. Thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Phó Viện trưởng, Viện trưởng Viện kiểm sát**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự. Lãnh đạo Viện ra quyết định thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được kiến nghị của Cơ quan có thẩm quyền điều tra hoặc đề nghị của người tham gia tố tụng về việc xem xét thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; nếu thấy có căn cứ thì lãnh đạo Viện ra quyết định thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; nếu thấy không có căn cứ thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Nếu Phó Viện trưởng Viện kiểm sát thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi thì Viện trưởng phân công Phó Viện trưởng khác hoặc Viện trưởng trực tiếp tiến hành tố tụng đối với vụ việc; đồng thời, thông báo bằng văn bản việc thay đổi đó cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra đang thụ lý vụ việc và người tham gia tố tụng (nếu người tham gia tố tụng đề nghị thay đổi).

Nếu Viện trưởng Viện kiểm sát thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi thì báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp ra quyết định phân công một Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nơi Viện trưởng bị thay đổi tiến hành tố tụng đối với vụ việc và thông báo bằng văn bản cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra đang thụ lý vụ việc và người tham gia tố tụng (nếu người tham gia tố tụng đề nghị thay đổi).

3. Quyết định thay đổi và phân công Kiểm tra viên, Kiểm sát viên, Phó Viện trưởng, Viện trưởng Viện kiểm sát quy định tại Điều này phải gửi cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra đang thụ lý vụ việc, đưa vào hồ sơ vụ việc và lưu hồ sơ kiểm sát.

**Điều 15. Thực hành quyền công tố, kiểm sát kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố**

1. Kiểm sát viên phải chủ động nắm chắc nội dung kiểm tra, xác minh, tiến độ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và yêu cầu Điều tra viên, Cán bộ điều tra cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật để kiểm sát; kịp thời nghiên cứu, báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định việc giải quyết.

2. Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ kết quả giải quyết của Cơ quan có thẩm quyền điều tra theo quy định của pháp luật. Kết thúc việc kiểm tra, xác minh, nếu Cơ quan có thẩm quyền điều tra không ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Kiểm sát viên phải báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra ban hành một trong các quyết định đó gửi kèm hồ sơ để kiểm sát kết quả giải quyết. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được quyết định kèm theo hồ sơ kết quả giải quyết, Kiểm sát viên phải báo cáo, đề xuất với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện hướng giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đối với quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố có căn cứ và hợp pháp thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định biết.

3. Việc gia hạn thời hạn giải quyết, tạm đình chỉ, phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải bảo đảm theo đúng quy định tại các điều 147, 148, 149 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Viện kiểm sát phải theo dõi, quản lý hồ sơ các vụ việc tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền điều tra rà soát, báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện kịp thời xử lý khi lý do tạm đình chỉ không còn.

Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc gửi, thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cho cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp phát hiện vi phạm thì phải yêu cầu hoặc kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 16. Phát hiện và xử lý vi phạm**

1. Kiểm sát viên thụ lý giải quyết vụ việc phải kịp thời phát hiện, theo dõi, tổng hợp vi phạm pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra để yêu cầu khắc phục; báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện yêu cầu Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra xử lý nghiêm minh Điều tra viên, Cán bộ điều tra vi phạm pháp luật. Nếu vi phạm của Điều tra viên, Cán bộ điều tra có dấu hiệu tội phạm thì lãnh đạo Viện yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra khởi tố vụ án hình sự; nếu có dấu hiệu tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao, lãnh đạo Viện kiểm sát quân sự trung ương để chỉ đạo Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với lệnh, quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng, Cấp phó Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Điều tra viên thì lãnh đạo Viện ra văn bản yêu cầu Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra quyết định thay đổi, hủy bỏ hoặc trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ. Đối với lệnh, quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Thủ trưởng, Cấp trưởng Cơ quan có thẩm quyền điều tra thì lãnh đạo Viện ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ.

Đối với lệnh, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn mà phát hiện không có căn cứ và trái pháp luật thì lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ.

Trường hợp Viện kiểm sát quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ lệnh, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền điều tra thì phải gửi ngay cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra để thực hiện.

2. Quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Kiểm sát viên có trách nhiệm tổng hợp các vi phạm pháp luật của Cơ quan có thẩm quyền điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan có thẩm quyền điều tra và người tham gia tố tụng, báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra văn bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 160 Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Chương IV**

**QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 17. Quan hệ giữa công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố với công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự**

1. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thường xuyên liên hệ với Kiểm sát viên kiểm sát việc tạm giữ để nắm tình hình người bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ và khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của những người này đối với quyết định, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; phát hiện vi phạm trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố để kịp thời khắc phục hoặc kiến nghị khắc phục.

2. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải thông báo cho Kiểm sát viên kiểm sát việc tạm giữ về những trường hợp từ chối phê chuẩn việc gia hạn tạm giữ; hủy bỏ, thay thế biện pháp tạm giữ để theo dõi và phối hợp thực hiện.

**Điều 18. Quan hệ giữa công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố với công tác giải quyết và kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp**

Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải phối hợp với đơn vị kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp để nắm và kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện để xem xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về quyết định và hành vi tố tụng trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quy định của pháp luật khác có liên quan, Quy chế này và các quy định khác của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố phải thông báo cho đơn vị kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp để theo dõi và phối hợp trả lời, giải thích cho người khiếu nại, tố cáo.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng  5  năm 2018, thay thế Quy chế kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-VKSTC ngày 17/10/2014 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**Điều 20. Trách nhiệm thực hiện**

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Giao Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung thì kịp thời báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội) để tổng hợp, báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.